

SAFETY JOGGER TACTICAL

Medium

TACTIC LOW OB

TACTICLOW

giày thấp chiết **toàn** n

Giày TACTIC LOW dành cho địa hình gồ ghề và mái vòm bằng trong môi

Những vật liệu cao cấp	may, Da nguyên tấm
ót bên trong	tái chế lưới
rong	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài	Cao su (NBR)
	OB / SR, LG, FO, HI, HRO, E, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-48
ng lượng	0.565 kg
ản hồi	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F3445:2024

CE · HRO · NESKRID

CO_2 9.17 kg



BLK



SRA

ượt là một trong những tính năng quan trọng giày SRA lan dụng trên phòng pha loãng.



hiệt nhiệt
được nhiệt độ cao lên đến 300°C.



& nhiên

ệ ngoài có khả năng và nhiên liệu.



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên các ứng dụng linh hoạt

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**

c ật thiế n thu

ường: **Môi** t

b ề mặt **không** bằn g phẳn ờng, **môi** bùn

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giày, chúng tôi **khuyên** bạn **nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên** và bảo v ệ **chúng** bẩn phải **cạo** hoặc **Không** trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật lt **mạy, Da nguyên** t ấm **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ntu ấm ớc ơ	? 0.8		4.5	ời	mg/cm/g
	Top: hi nuệ số ớc ơ	? 15		35		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ					
	L ớp **lót:** ntu ấm ớc ơ	? 2		45	ời	mg/cm/g
	lót: hi nuệ số ớc ơ	? 20		350		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12600		25600/12600		chu kỳ
goài Đ **Cao su (NBR)**						
	Ch ố n g trơn trượt mài mòn (ế ngoài (	? 150		107		mm
	Chư ớ ợt c ớt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề **phía** t	? 0.31		0.40		ma sát
	rư ợt c ớt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề **phía** t	? 0.36		0.45		ma sát
	rư ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** **phía** t	? 0.19		0.22		ma sát
	Chư ớ ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề **phía** t	? 0.22		0.25		ma sát
ị ch ố	Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		N/A		megaohm
ị ESD	Giá t	0.1 - 100		N/A		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân ủ	? 20		36		J

kích thước thép: 42

a chúng tôi Safety Jogger có thể thay đổi thông số kỹ thuật và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		6.90		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
				9.17 kg CO2/ cặp	

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		8%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:

ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] và có thể thay đổi.